# CHƯƠNG 6: CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM

## BÀI 20: KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VIỆT NAM

## A. TRẮC NGHIỆM

### 1. NHẬN BIẾT (7 câu)

**Câu 1:** Khối đại đoàn kết dân tộc ở Việt Nam được hình thành từ bao giờ?

A. Từ thời kì đầu dựng nước Văn Lang – Âu Lạc

B. Trong cuộc đấu tranh hàng nghìn năm chống phong kiến phương Bắc.

C. Trong kỉ nguyên phong kiến độc lập, từ thời Đinh đến thời Nguyễn.

D. Trong phong trào đấu tranh chống thực dân, đế quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

**Câu 2:** Ở thời kì ban đầu của lịch sử Việt Nam, khối đoàn kết dân tộc đã được hình thành từ yêu cầu gì?

A. Liên kết để tạo nên một nhà nước với quyền uy và sự thống nhất trong tổ chức và hoạt động.

B. Liên kết để trị thuỷ, làm thuỷ lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp và tập hợp lực lượng đấu tranh chống giặc ngoại xâm.

C. Của sự nghiệp lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với phong trào cách mạng của nhân dân ta.

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 3:** Truyền thuyết nào là minh chứng về khối đại đoàn kết dân tộc ngay từ thuở bình minh lịch sử?

A. Nữ Oa vá trời

B. Con Rồng cháu Tiên

C. Thành Gióng

D. Sơn Tinh, Thuỷ Tinh

**Câu 4:** Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, khối đại đoàn kết dân tộc ngày càng:

A. Được củng cố, mở rộng, phát triển

B. Trở nên rời rạc, thiếu gắn kết

C. Tan hoang, không một ai biết đến đoàn kết là gì

D. Trở thành luồng sinh khí mới cho sự phát triển của y khoa Việt Nam

**Câu 5:** Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam phát triển đến đỉnh cao thông qua tổ chức nào?

A. Đảng Cộng sản Việt Nam.

B. Quốc hội do nhân dân bầu ra.

C. Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam.

D. Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam.

**Câu 6:** Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay, khối đại đoàn kết toàn dân tộc được Đảng Cộng sản Việt Nam xác định là:

A. Đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam.

B. Sách lược quan trọng cần được vận dụng linh hoạt trong từng bối cảnh cụ thể.

C. Yếu tố góp phần vào sự thành công của cách mạng.

D. Công việc cần phải quan tâm chú ý.

**Câu 7:** Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc là ngày nào?

A. 23/06

B. 30/04

C. 02/09

D. 18/11

### 2. THÔNG HIỂU (6 câu)

**Câu 1:** Nguyên tắc trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là gì?

A. “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết".

B. Đoàn kết, tương trợ nhau cùng phát triển.

C. Đoàn kết, bình đẳng, tương trợ nhau cùng phát triển.

D. Nghiêm cấm mọi hành vi kì thị, chia rẽ dân tộc.

**Câu 2:** Ba nguyên tắc phát triển khối đại đoàn kết dân tộc của Đảng là gì?

A. Độc lập, Tự do, Hạnh phúc.

B. Đoàn kết, Thương yêu và Hăng hái.

C. Đoàn kết, Gắn bó và Yêu nhau sâu đậm.

D. Đoàn kết, Bình đẳng và Tương trợ nhau cùng phát triển.

**Câu 3:** Điểm nổi bật nhất trong chính sách dân tộc của Nhà nước Việt Nam hiện nay là gì?

A. Tính tổng thể.

B. Tính toàn diện.

C. Có trọng điểm.

D. Tính hài hoà.

**Câu 4:** Đâu là nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước về văn hoá?

A. Xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; bao gồm các giá trị và bản sắc văn hoá của 54 dân tộc,...

B. Tập trung phát triển văn hoá của dân tộc Kinh theo hướng hiện đại, tối ưu hoá những đặc trưng cơ bản của nền văn hoá

C. Chú trọng đầu tư phát huy văn hoá dân tộc Kinh theo hướng hiện đại, cập nhật xu thế của thế giới; còn đối với văn hoá của các dân tộc ít người thì chú trọng duy trì bản sắc văn hoá

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 5:** Đâu là nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước về xã hội?

A. Thực hiện chính sách xã hội trong vùng đồng bào các dân tộc thiểu số xuất phát từ đường lối chung và đặc điểm riêng về trình độ phát triển kinh tế - xã hội

B. Tổ chức và kết cấu xã hội, tập quán và truyền thống trong các dân tộc,...

C. Xây dựng, mở rộng các trường lớp đào tạo về chính sách xã hội, nghiên cứu xã hội học.

D. Cả A và B.

**Câu 6:** Đâu là nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước về an ninh quốc phòng?

A. Thực hiện luật Nghĩa vụ quân sự.

B. Triển khai các hoạt động về quốc phòng an ninh đến mọi người dân.

C. Củng cố các địa bàn chiến lược, giải quyết tốt vấn đề đoàn kết dân tộc và quan hệ dân tộc trong mối liên hệ tộc người, giữa các tộc người và liên quốc gia trong xu thế toàn cầu hoá.

D. Cả B và C.

### 3. VẬN DỤNG (5 câu)

**Câu 1:** Khai thác tư liệu dưới đây, em có suy luận gì về chính sách của nhà nước phong kiến Việt Nam thế kỉ XII?

*“Giáp Tý [1144], gả Công chúa Thiều Dung cho Dương Tự Minh [một thủ lĩnh người dân tộc Tày ở Thái Nguyên], phong Tự Minh làm Phò mã lang,... Tháng 5, cho Mậu Du Đô làm Thái sư, xa lĩnh việc các khê động dọc biên giới về đường bộ”.*

*(Theo Ngô Sỹ Liên và các sử thần nhà Lê, Đại Việt sử ký toàn thư, Tập I, Sđd, tr. 315)*

A. Triều đình gả công chúa cho thủ lĩnh người dân tộc Tày ở Thái Nguyên.

B. Triều đình nhà Lý phong tước, giao quyền quản lí miền biên giới cho thủ lĩnh địa phương.

C. Triều đình nhà Lý thực hiện nhiều biện pháp để củng cố khối đại đoàn kết dân tộc với các tộc người thiểu số miền biên giới.

D. Triều đình nhà Lý quan tâm chăm lo đến các dân tộc thiểu số miền biên giới.

**Câu 2:** Một trong những nhân tố quan trọng nhất quyết định sự thành công của công cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm trong lịch sử dân tộc được thể hiện thông qua tư liệu dưới đây là gì?

*“Noi theo lá cờ đại nghĩa của Hai Bà Trưng, nhân dân các quận, huyện nhất tề nổi dậy hưởng ứng “đánh phá các châu, quận" (Giao châu ngoại vực kì)... Khi Hai Bà Trưng “đánh hạ quận Giao Chỉ" thì người Man Lý ở Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đều hưởng ứng, cướp được 65 thành (Hậu Hán thư)...”*

*(Theo Phan Huy Lê, Tìm về cội nguồn, NXB Thế giới, Hà Nội, 2010, tr. 772)*

A. Truyền thống yêu nước.

B. Truyền thống đoàn kết.

C. Đường lối lãnh đạo đấu tranh đúng đắn.

D. Lực lượng tham gia đông đảo.

**Câu 3:** Hoạt động nào sau đây thể hiện tinh thần đoàn kết toàn dân tộc?

A. Bộ trưởng Bộ Công An chỉ đạo mở rộng quy mô, điều tra các hoạt động phạm tội tại địa bàn tỉnh Bình Dương.

B. Nhân dân cả nước chung tay ủng hộ các tỉnh miền Trung bị thiệt hại sau một cơn bão

C. Đảng trình Chính phủ những biện pháp nhằm giải quyết tình trạng xâm chiếm trái phép chủ quyền biển đảo Việt Nam từ phía Trung Quốc.

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 4:** Đâu **không** phải một nguyên nhân cơ bản đưa đến thắng lợi của các cuộc đấu tranh giành và bảo vệ độc lập trong lịch sử dân tộc?

A. Tinh thần yêu nước, yêu độc lập, tự do

B. Tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc đấu tranh chống kẻ thù chung

C. Đường lối chỉ đạo đúng đắn

D. Ứng dụng tốt các thành tích Toán học của I. Newton, Vật lí học của A. Einstein và Hoá học của Dmitri Mendeleev.

**Câu 5:** Cho hai tư liệu sau:

*1. Các dân tộc ở nước ta sinh sống gắn bó cùng nhau từ lâu đời, đã sớm có ý thức đoàn kết, giúp nhau trong chinh phục thiên nhiên, chống giặc ngoại xâm và xây dựng đất nước. Sự đoàn kết gắn bó giữa các cộng đồng dân tộc đã tạo nên một quốc gia đa dân tộc bền vững, thống nhất.*

*2. Nhìn chung, các dân tộc ở nước ta sống xen kẽ nhau, không có dân tộc thiểu số nào cư trú theo vùng lãnh thổ riêng. Yếu tố đó nói lên sự hoà hợp của cộng đồng các dân tộc đã có từ lâu đời và đã trở thành đặc điểm lịch sử, văn hoá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Tính chất cư trú của các dân tộc đã tạo điều kiện thuận lợi để các dân tộc tăng cường hiểu biết lẫn nhau, đoàn kết tương trợ giúp đỡ nhau cùng phát triển.*

*(Theo Vy Xuân Hoa, Chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước trong việc đảm bảo quyền của các dân tộc thiểu số Việt Nam, Trang tin điện tử của Uỷ ban Dân tộc ngày 10 – 12 – 2008)*

Hãy chỉ ra điểm chung trong nội dung phản ánh của hai tư liệu trên.

A. Các dân tộc ở nước ta đã có mặt trên Trái Đất từ rất lâu.

B. Sự phát triển kinh tế của các vùng giữa các dân tộc có sự tăng tiến đáng kể sau khi Đảng và Nhà nước hình thành nên khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

C. Khẳng định đoàn kết giữa các dân tộc ở Việt Nam là một truyền thống đã được hình thành qua một quá trình lịch sử lâu dài.

D. Tất cả các đáp án trên.

### 4. VẬN DỤNG CAO (2 câu)

**Câu 1:** Vai trò và tầm quan trọng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam trong lịch sử và hiện nay là gì?

A. Tạo nên một cộng đồng quốc gia gồm nhiều tộc người luôn chung sống hoà hợp, tạo điều kiện xây dựng một quốc gia đa dân tộc bền vững, thống nhất.

B. Là nhân tố quan trọng, quyết định sự thành công của các cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, bảo vệ độc lập dân tộc.

C. Là cơ sở để huy động sức mạnh của toàn dân tộc trong sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hoá, giữ gìn ổn định xã hội, sự bền vững của môi trường, đảm bảo an ninh quốc phòng, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền quốc gia

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 2:** Cho hai tư liệu sau:

*1. Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà năm 1946 khẳng định: “Đoàn kết toàn dân không phân biệt giống nòi, gái, trai, giai cấp, tôn giáo”.*

*(Theo Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1946, 1959, 1980, 1992, NXB Thống kê, Hà Nội, tr. 6)*

*2. Điều 5, Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, năm 2013, có đoạn: “Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam. Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi hành vi kì thị, chia rẽ dân tộc”.*

*(Theo Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020, tr. 10 – 11)*

Các tư liệu trên thể hiện điều gì trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước?

A. Thể hiện chính sách đại đoàn kết các dân tộc là chính sách nhất quán, xuyên suốt của Đảng và Nhà nước trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

B. Thể hiện sức mạnh tuyệt đối của Hiến pháp trong hệ thống pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

C. Thể hiện niềm tin của dân chúng vào chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, đó là những chính sách cấp tiến, phù hợp với thời đại.

D. Tất cả các đáp án trên.

## B. ĐÁP ÁN

**1. NHẬN BIẾT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. A | 2. B | 3. B | 4. A  | 5. C |
| 6. A | 7. D |  |  |  |

**2. THÔNG HIỂU**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. C | 2. D | 3. B | 4. A | 5. D |
| 6. C |  |  |  |  |

**3. VẬN DỤNG**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. C | 2. B | 3. B | 4. D | 5. C |

**4. VẬN DỤNG CAO**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. D | 2. A |  |  |  |